

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2018

V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Ông Trần Văn Hải.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, mở phiên tòa xét xử công khai, vụ án thụ lý số 498/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, về việc “V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Hồng E, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Đường 30/4, tổ 2, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Lê Thị T1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 29/1B, đường 30/4, tổ 2, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 20-10-2015 và tại phiên tòa ông Lê Hồng E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông E và bà Lê Thị T1 kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống xa nhau, ông E và T1 không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với T1.

Về con chung: ông E và T1 có sinh được 03 con chung tên là Lê H, sinh năm 1990; Lê Thị D, sinh năm 1995 và Lê H1, sinh năm 1997. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị T1: đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Lê Hồng E và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Lê Thị T1 có địa chỉ tại phường 1, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, bà Lê Thị T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Hồng E và T1 chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng không sống chung từ tháng 7/2015 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa ông Hồng E trình bày từ năm 2015 ông và T1 không còn ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên phiên tòa hôn nay bà vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Hồng E và T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Hồng E yêu cầu được ly hôn với T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: ông E và T1 có 03 con chung tên là Lê H, sinh năm 1990; Lê Thị D, sinh năm 1995 và Lê H1, sinh năm 1997. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết để ông và T1 tự thỏa thuận, sau này nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung: Không có

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồng E phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Hồng E đối với bà Lê Thị T1.

- Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Lê Hồng E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Hồng E đã nộp theo biên lai số 00374 ngày 20-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, ông Lê Hồng E đã nộp xong tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- CCTHA TPCL;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA(D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Huỳnh Thị Thơm**